ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /2019/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước";

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 160/TTr-VP ngày 16 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lý Thái Hải

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện công tác báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của UBND tỉnh.

2. Quyết định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo định kỳ tại các văn bản do các cơ quan nhà nước ở Trung ương quy định.

b) Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề.

c) Báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ban hành và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc ban hành chế độ báo cáo

1. Nguyên tắc chung: Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành và theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Yêu cầu về việc ban hành chế độ báo cáo

Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn, chỉ có phần số liệu, hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Nội dung chế độ báo cáo định kỳ bao gồm tối thiểu các thành phần quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7 đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng quy định tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu trong chế độ báo cáo định kỳ

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: Thời gian chốt số liệu 9 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

6. Đối với các báo cáo định kỳ khác, thời gian chốt số liệu phải được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Điều 6. Hình thức báo cáo; phương thức gửi báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Hình thức báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới một trong hai hình thức sau:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử, có sử dụng chữ ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Phương thức gửi báo cáo: Lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi qua địa chỉ mail công vụ;

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;

e) Gửi qua hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc;

f) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ:

a) Thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm thời gian không ít hơn 01 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc việc lấy số liệu báo cáo đến thời hạn gửi báo cáo hoặc ước tính thời gian từ khi nhận được báo cáo để tổng hợp đến thời gian hoàn thành báo cáo và gửi đi; cụ thể như sau:

- Thời hạn UBND tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

- Thời hạn các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện gửi báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

- UBND cấp xã gửi báo cáo định kỳ cho UBND cấp huyện tổng hợp chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Đối với các loại báo cáo có yêu cầu về thời hạn gửi, nhận khác, thời hạn này được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

b) Trường hợp thời hạn báo cáo nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn gửi, nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 7. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

a) Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

b) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi.

Các cơ quan, ban, ngành chủ động, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Các nguyên tắc, yêu cầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo được thực hiện theo Điều 15, 16, 17 và 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo định mức của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Quyết định này.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra nội dung công bố, công khai danh mục báo cáo định kỳ do các Sở, ban, ngành gửi đến.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lý Thái Hải

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật